

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH HÀ NAM**

Bản án số: 90/2018/HSST

Ngày 29-11-2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạnh Xuân Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Văn Đông;

2. Ông Vũ Quốc Phòng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 92/2018/HSST ngày 14 tháng 11 năm 2018, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2018/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2018 đối với:

*** Bị cáo Đặng Thị T**, sinh năm 1976; tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: số nhà 28, ngõ 40, đường C, phường N, quận T, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn K và bà Chu Thị C; chồng Phạm Văn M (đã ly hôn), con: có 02 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: không; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

*** Người bị hại:** Chị Lê Thị N, sinh năm 1980; địa chỉ: Đội 4, xã Đ, huyện S, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.

*** Người làm chứng:** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964; Anh Lương Văn N, sinh năm 1979; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Lê Thị N, sinh năm 1980 ở Đội 4, xã Đh, huyện S, tỉnh Thanh Hóa và Đặng Thị T, sinh năm 1976, ở số 28 Ngõ 40 đường C, phường N, quận T, thành phố Hà Nội cùng là nhân viên bảo vệ của Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ Đ và được Công ty phân công bảo vệ tại Công ty E ở Khu công nghiệp Đ. Chị N và T ở cùng phòng trọ thuê của gia đình ông Vũ Anh T, sinh năm 1967, thuộc thôn N, xã B, huyện D, tỉnh Hà Nam.

Khoảng 07 giờ ngày 06/9/2018, khi chị N và T đi làm về phòng trọ, thấy chị N lên giường ngủ, Thủy lấy trộm chiếc thẻ ATM có hàng số nội 9704151518449716, cấp

tháng 06/2018 của chị N do ngân hàng Thương mại cổ phần công thương V (Vietinbank) phát hành và mẫu giấy ghi mật khẩu của thẻ chị N để trong túi ngực áo treo trên móc áo phòng trọ. T đi ra đầu ngõ bảo ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964 ở thôn N, xã B, huyện D là người làm nghề xe ôm chở ra cây ATM của ngân hàng TMCP công thương V (Vietinbank) ở gần cổng Khu công nghiệp Đ để rút tiền. Do không biết cách rút tiền trong thẻ nên T đưa thẻ ATM và tờ giấy ghi mật khẩu nhờ một người nam thanh niên (không xác định được tên, tuổi, địa chỉ) rút hộ số tiền: 4.500.000 đồng. Sau khi rút được tiền, T đi xe ôm về phòng trọ và để thẻ ATM cùng mẫu giấy ghi mật khẩu vào túi áo của chị N như trước. Đến sáng ngày 07/9/2018, chị N phát hiện bị rút mất số tiền: 4.500.000 đồng trong tài khoản thẻ ATM của mình, nên đã trình báo cơ quan Công an để giải quyết. Sau khi biết chị N đã báo cơ quan Công an, T đã vớt số tiền 4.500.000 đồng do trộm cắp được của chị N xuống cánh đồng thôn N, xã B, huyện D, gần khu vực phòng trọ. Đến ngày 07/9/2018, Công an xã B triệu tập Đặng Thị T đến làm việc và T đã thừa nhận hành vi trộm cắp số tiền 4.500.000đ trong thẻ ATM của chị N.

Về vật chứng thu giữ: Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện D đã tạm giữ: 01 thẻ ATM của ngân hàng TMCP Công thương V (Vietinbank) mang tên Lê Thị N, trên thẻ có hàng số nổi 9704151518449716 cấp tháng 6/2018. Cơ quan CSĐT Công an huyện D đã trả lại chị Lê Thị N chiếc thẻ ATM trên.

Đối với số tiền: 4.500.000 đồng đã chiếm đoạt của chị N, T khai báo do sợ Công an phát hiện nên bị cáo đã vớt xuống cánh đồng thôn N, xã B, huyện D. Cơ quan Công an đã truy tìm nhưng không thấy.

Bản Cáo trạng số 93/CT- VKS ngày 14/11/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Hà Nam truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát huyện D giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt Đặng Thị T mức án từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 24 đến 30 tháng. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đưa ra quan điểm về trách nhiệm dân sự, hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng và tuyên án phí đối với bị cáo.

* Phần tranh luận: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và không tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện D và Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện D và Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố, cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, HĐXX xác định các hành vi,

quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội*: Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người bị hại; người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 07 giờ ngày 06/9/2018, tại thôn N, xã B, huyện D, tỉnh Hà Nam, lợi dụng chị Lê Thị N là bạn cùng công ty ở cùng phòng trọ của mình đang ngủ, Đặng Thị T đã lén lút trộm cắp thẻ ATM của chị N rồi thuê xe ôm đến cây ATM của ngân hàng TMCP Công thương V ở gần cổng Khu công nghiệp Đ rút trộm số tiền: 4.500.000 đồng trong tài khoản của chị Lê Thị N.

Hành vi nêu trên của bị cáo Đặng Thị T đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện D đã truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo hộ, gây mất trật tự an ninh tại địa phương nên cần được xử lý trước pháp luật.

[3] *Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 BLHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã khắc phục hậu quả bằng việc bồi thường thiệt hại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt đối với người bị hại, và được người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Từ nhận định trên, nhận thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, HĐXX không cần thiết phải cho cách ly bị cáo khỏi xã hội, mà chỉ cần ấn định mức hình phạt đồng thời giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, điều đó cũng phù hợp với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đưa ra tại phiên tòa.

[4] *Về hình phạt bổ sung*: xét thấy bị cáo là người đang nuôi con nhỏ, thu nhập không ổn định, nên HĐXX thông nhất miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[5] *Về trách nhiệm dân sự*: Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo đã bồi thường cho người bị hại đầy đủ số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt. Nay, chị N là người bị hại không có yêu cầu gì, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6] Đối với ông Nguyễn Văn T làm nghề xe ôm, được Đặng Thị Ty thuê chở ra cây ATM ở Khu công nghiệp Đ để rút tiền. Tuy nhiên, ông T không biết việc T thuê ông chở xe ôm để đi rút trộm tiền nên Cơ quan CSĐT Công an huyện D không có căn cứ để khởi tố điều tra là đúng quy định của pháp luật.

[7] *Về vật chứng vụ án*: Đã giải quyết tại giai đoạn điều tra nay không đặt ra xem xét.

[8] *Về án phí hình sự sơ thẩm*: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Từ nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: bị cáo Đặng Thị T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Đặng Thị T 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng, tính từ tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Đặng Thị T cho UBND phường N, quận T, Thành phố Hà Nội quản lý, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước tổng hợp với hình phạt của bản án mới.

2. *Về án phí hình sự sơ thẩm*: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo Đặng Thị T phải nộp: 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Báo cho bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- Công an huyện D;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mạnh Xuân Hải

